| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ TÂN UYÊN**<br>**TỈNH BÌNH DƯƠNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 55/2024/KDTM-ST
Ngày: 12-9-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Võ Thị Hồng Thêm.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Nguyễn Văn Thảo;

2. Ông Huỳnh Sơn Tây.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Trọng Nam - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên tham gia phiên tòa***: Ông Phạm Văn Giáp - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Tân Uyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh, thương mại thụ lý số 99/2024/TLST-KDTM ngày 29 tháng 5 năm 2024 về việc: "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2024/QĐXXST-KDTM ngày 07 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 53/2024/QĐST-KDTM ngày 29 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH T; địa chỉ: T đất 052/1, tổ A, khu phố K, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương;

Người đại diện hợp pháp:

- Bà Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1993. Vắng mặt.

- Bà Ngô Thị Thanh X, sinh năm 2000. Có mặt.

Cùng địa chỉ: Số A đường H, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 05/GUQ/2024 ngày 15/5/2024).

Bị đơn: Công ty TNHH S; địa chỉ: T đất số 282, tờ bản đồ số 30, tổ E, khu phố G, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Bà Lê Thị M – Chức danh: Giám đốc là người đại diện theo pháp luật. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 5 năm 2024, các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày như sau:

Năm 2019 và năm 2020, Công ty TNHH T1 hàng là sản phẩm ván lạng gỗ cho Công ty TNHH S. Hai bên không ký hợp đồng mua bán mà căn cứ vào từng đơn đặt hàng qua điện thoại; giá căn cứ vào bảng báo giá; bên bán giao hàng hóa đến kho bên mua có phiếu giao hàng. Nguyên đơn đã cung cấp hàng hóa theo đơn đặt hàng và phiếu giao nhận hàng để suất hóa đơn giá trị gia tăng. Bị đơn đã nhận hàng không có ý kiến hay khiếu nại về chất lượng, số lượng hàng hóa. Tuy nhiên, bị đơn đã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền hàng đúng và đầy đủ theo thỏa thuận. Nguyên đơn đã suất hóa đơn giá trị gia tăng cụ thể:

Hóa đơn số 40 ngày 21/10/2019 tiền hàng 84.176.748 đồng;

Hóa đơn số 53 ngày 25/11/2019 tiền hàng 87.578.885 đồng;

Hóa đơn số 71 ngày 25/12/2019 tiền hàng 85.619.329 đồng;

Hóa đơn số 107 ngày 25/3/2020 tiền hàng 1.073.945 đồng;

Hóa đơn số 129 ngày 28/6/2020 tiền hàng 6.955.908 đồng;

Hóa đơn số 134 ngày 05/8/2020 tiền hàng 95.070.348 đồng;

Hóa đơn số 145 ngày 20/10/2020 tiền hàng 31.833.091 đồng;

Hóa đơn số 154 ngày 27/11/2020 tiền hàng 12.875.685 đồng;

Hóa đơn số 157 ngày 28/12/2020 tiền hàng 4.477.674 đồng.

Tổng cộng: 409.661.613 đồng.

Ngày 28/9/2022, hai bên xác nhận Bảng đối chiếu cộng nợ 359.907.664 đồng. Ngày 24/7/2023, Công ty TNHH S đã thanh toán 30.000.000 đồng còn nợ 329.907.664 đồng.

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu buộc Công ty TNHH S phải thanh toán cho Công ty TNHH T 395.889.196 đồng (trong đó tiền nợ gốc 329.907.664 đồng và tiền lãi tạm tính 65.981.532 đồng).

Ngày 03/6/2024, Công ty TNHH S đã thanh toán 29.907.664 đồng nên hiện nay còn nợ gốc 300.000.000 đồng. Do đó, nguyên đơn yêu cầu Công ty TNHH T thanh toán tiền nợ gốc 300.000.000 đồng và tiền nợ lãi tính từ ngày đối chiếu công nợ (ngày 28/9/2022) đến ngày xét xử sơ thẩm là 23 tháng 14 ngày trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán (300.000.000 đồng) với mức lãi suất 1%/tháng làm tròn 70.000.000 đồng. Tổng cộng tiền nợ gốc và nợ lãi là 370.000.000 đồng.

*Bị đơn vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật đúng theo quy định tại Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Công ty TNHH T khởi kiện Công Công ty TNHH S liên quan đến hợp đồng mua bán hàng hóa nên quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Công ty TNHH S có trụ sở tại thành phố T, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận mua bán hàng hóa qua điện thoại. Nguyên đơn đã giao hàng hóa cho bị đơn có lập phiếu giao nhận hàng hóa và suất hóa đơn giá trị gia tăng. Hai bên đã đối chiếu công nợ. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập tham gia tố tụng nhưng không tham gia là từ bỏ quyền của mình nên căn cứ vào các tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp có sơ sở xác định bị đơn còn nợ gốc 300.000.000 đồng chưa thanh toán. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền trên là có căn cứ chấp nhận.

[4] Theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại "*Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác".* Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán trên số tiền nợ gốc (300.000.000 đồng) với mức lãi suất 1%/tháng (12%/năm) là phù hợp mức lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường của 03 Ngân hàng thương mại là 12,75%/năm đến 15%/năm. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi chậm thanh toán từ ngày đối chiếu công nợ ngày 28/9/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm là 23 tháng 14 ngày là có căn cứ chấp nhận.

[5] Xét đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[6] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 244; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 50, 55, 306 của Luật Thương mại.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH1430 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử**:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH T đối với Công ty TNHH S về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa cụ thể như sau:

Buộc Công ty TNHH S có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH T 370.000.000 đồng (Ba trăm bảy mươi triệu đồng) Trong đó:

Nợ gốc: 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng);

Nợ lãi: 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Công ty TNHH S phải chịu án phí sơ thẩm 18.500.000 đồng (Mười tám triệu năm trăm nghìn đồng).

Công ty TNHH T không phải chịu án phí sơ thẩm được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp 9.897.230 đồng (Chín triệu tám trăm chín mươi bảy nghìn hai trăm ba mươi đồng) theo biên lai số 0001513 ngày 28/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nếu vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều*

*6,7, 7a,7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.*

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- Chi cục THA Dân sự thành phố Tân Uyên;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Võ Thị Hồng Thêm**